

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

MST: 0105087537

*Địa chỉ: Số 104/140, Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, TP Hà  
Nội*



CREATE CAPITAL VIET NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ II NĂM 2022**

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2022

Mẫu B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2022	01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>287,070,242,596</b>	<b>262,377,153,301</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>10,876,254,021</b>	<b>35,790,959,278</b>
1. Tiền	111		10,876,254,021	15,790,959,278
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	20,000,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>500,000,000</b>	<b>100,000,000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	500,000,000	100,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>172,090,034,013</b>	<b>103,641,467,132</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	59,532,202,448	4,339,140,137
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	108,788,519,527	87,879,601,476
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4.1	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.7.1	3,769,312,038	11,422,725,519
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.10	-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>77,854,629,601</b>	<b>95,795,887,453</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.9	77,854,629,601	95,795,887,453
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>25,749,324,961</b>	<b>27,048,839,438</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.1	287,127,280	45,121,741
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25,462,197,681	27,003,717,697
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>376,451,531,644</b>	<b>379,759,368,096</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>42,450,000,000</b>	<b>38,140,000,000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4.2	-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.7.2	42,450,000,000	38,140,000,000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>282,631,277,282</b>	<b>279,542,553,794</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	282,631,277,282	279,542,553,794
- Nguyên giá	222		307,555,959,467	296,189,342,180
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(24,924,682,185)	(16,646,788,386)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>10,213,701,061</b>	<b>20,975,428,504</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	10,213,701,061	20,975,428,504
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>41,007,950,023</b>	<b>41,007,950,023</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		34,217,950,023	34,217,950,023
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6,790,000,000	6,790,000,000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>148,603,278</b>	<b>93,435,775</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.2	104,230,799	49,063,296
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	44,372,479	44,372,479
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>663,521,774,240</b>	<b>642,136,521,397</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2022	01/01/2022
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>297,682,078,450</b>	<b>292,642,817,662</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>175,932,170,329</b>	<b>158,431,286,587</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	14,101,606,207	23,732,258,249
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	8,313,278,384	23,070,205,617
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	709,187,553	1,232,872,602
4. Phải trả người lao động	314		124,272,215	218,906,769
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	7,945,205	300,491,008
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		115,989,115	115,989,115
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1,640,857,373	2,469,710,000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	150,919,034,277	107,290,853,227
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>121,749,908,121</b>	<b>134,211,531,075</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		221,862,397	221,862,397
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	121,528,045,724	133,989,668,678
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>365,839,695,790</b>	<b>349,493,703,735</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>365,839,695,790</b>	<b>349,493,703,735</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	300,000,000,000	300,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300,000,000,000	300,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10,645,604,925	10,645,604,925
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		49,865,956,812	33,853,430,460
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		33,853,430,460	11,530,775,099
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16,012,526,352	22,322,655,361
4. Lợi ích cổ đông không kiểm	429		5,328,134,053	4,994,668,350
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>663,521,774,240</b>	<b>642,136,521,397</b>

Hà nội, ngày 30 tháng 07 năm 2022

Người lập



NGUYỄN THỊ THÚY NGA

Kế toán trưởng



VŨ THỊ THUỶ

Tổng Giám đốc



DƯƠNG THỊ HUYỀN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý II Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý II năm 2022	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022	Quý II năm 2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.22	107,050,338,883	216,818,677,397	114,549,058,329	292,577,174,949
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.22</b>	<b>107,050,338,883</b>	<b>216,818,677,397</b>	<b>114,549,058,329</b>	<b>292,577,174,949</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.23	93,437,587,014	188,868,123,439	108,197,341,353	277,974,054,215
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>13,612,751,869</b>	<b>27,950,553,958</b>	<b>6,351,716,976</b>	<b>14,603,120,734</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.24	1,884,086	34,330,846	2,048,194,967	2,382,020,416
7. Chi phí tài chính	22	VI.25	4,290,971,366	8,041,791,731	2,440,925,919	3,985,669,245
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4,290,800,073	8,041,620,438	2,777,505,716	4,227,309,480
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.26	787,234,970	787,234,970	866,667,153	1,089,520,297
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.26	1,111,622,094	2,164,997,935	925,389,502	2,617,512,860
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>7,424,807,525</b>	<b>16,990,860,168</b>	<b>4,166,929,369</b>	<b>9,292,438,748</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.28	772,990	773,025	-	148
13. Chi phí khác	32	VI.28	24,840,583	24,840,585	-	1,842,697
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(24,067,593)</b>	<b>(24,067,560)</b>	<b>-</b>	<b>(1,842,549)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>7,400,739,932</b>	<b>16,966,792,608</b>	<b>4,166,929,369</b>	<b>9,290,596,199</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.27	294,341,180	620,800,553	45,504,289	559,787,384
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.27	-	-	-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>7,106,398,752</b>	<b>16,345,992,055</b>	<b>4,121,425,080</b>	<b>8,730,808,815</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		6,966,655,918	16,012,526,352	182,017,155	2,239,149,536
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62		139,742,834	333,465,703	-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.30	232.22	533.75	-	-
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng




NGUYỄN THỊ THÚY NGA

VŨ THỊ THỦY



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021
<b>DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>16,966,792,608</b>	<b>2,798,936,920</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	8,277,893,799	3,437,663,746
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(171,293)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(34,330,846)	6,491,659,279
- Chi phí lãi vay	06	8,041,620,438	4,227,309,480
<b>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>33,251,804,706</b>	<b>16,955,569,425</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(71,217,046,865)	(124,839,593,189)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	17,941,257,852	171,858,030,211
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(59,362,181,226)	(185,521,250,000)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(297,173,042)	911,446,903
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8,041,620,438)	(4,227,309,480)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(754,335,102)	(1,198,290,385)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(88,479,294,115)</b>	<b>(143,016,965,940)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(256,969,238)	(16,137,730,728)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(500,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20,000,000,000	5,978,137,750
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4,425,000,000	3,058,316,422
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8,730,000,000	2,382,020,416
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>32,398,030,762</b>	<b>(4,719,256,140)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
2. Tiền thu từ đi vay	33	157,586,554,927	204,452,869,327
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(126,419,996,831)	(76,204,856,017)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>31,166,558,096</b>	<b>128,248,013,310</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(24,914,705,257)</b>	<b>(19,488,208,770)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	35,790,959,278	35,233,178,837
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>10,876,254,021</b>	<b>15,744,970,067</b>

Hà nội, ngày 30 tháng 07 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ

VŨ THỊ THUÝ

DUYÊN THỊ HUỲNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 09 ngày 12/11/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 ngày 12/12/2021 là 300.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty và công ty con tại thời điểm 30/06/2022 là 35 người (*tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty và công ty con tại thời điểm 31/12/2021 là 58 người*).

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Sản xuất pin và ắc quy (Chi tiết sản xuất tấm tế bào quang điện); Sản xuất thiết bị điện khác (Chi tiết sản xuất thiết bị điện năng lượng mặt trời); Sửa chữa thiết bị điện; Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học; Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị khác; Sản xuất điện (trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân); Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Xây dựng công trình điện; Xây dựng nhà không để ở (Chi tiết Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ); Xây dựng công trình đường bộ (Chi tiết xây dựng công trình công ích); Xây dựng nhà để ở; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: xây dựng các dự án năng lượng, xây dựng công trình dân dụng; Kinh doanh thương mại nông sản (cao su, điều...), Kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng (sắt thép, tôn...), Cung cấp điện năng lượng mặt trời; Cho thuê nhà...

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại thời điểm 30/06/2022, Công ty có 01 công ty con: Công ty cổ phần Công nghệ CRC và 02 công ty liên kết; Trong đó: Công ty cổ phần Công nghệ CRC có 13 công ty con, cụ thể như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
<b>Công ty con</b>				
1. Công ty cổ phần công nghệ CRC	Hà Nội	Năng lượng	99,98%	99,98%
<b>Công ty con của Công ty cổ phần Công nghệ CRC</b>				
1. Công ty cổ phần Canadian Solar Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	98,9%	98,9%
2. Công ty cổ phần CRC Power	Hà Nội	Năng lượng	98,3%	98,3%
3. Công ty cổ phần CRC Invest	Hà Nội	Năng lượng	98,7%	98,7%
4. Công ty cổ phần cung cấp năng lượng điện mặt trời	Hà Nội	Năng lượng	98,0%	98,0%
5. Công ty cổ phần Vinasolar Đồng Tháp	Hà Nội	Năng lượng	95,0%	95,0%
6. Công ty cổ phần Điện Nhật Nguyên Xanh	KonTum	Năng lượng	95,9%	95,9%
7. Công ty cổ phần Jinca Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	96,9%	96,9%
8. Công ty cổ phần xây lắp điện Lâm Đồng	Hà Nội	Năng lượng	97,0%	97,0%
9. Công ty cổ phần Elecsun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	93,2%	93,2%
10. Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Hà Nội	Năng lượng	99,5%	99,5%
11. Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng năng lượng xanh	Hà Nội	Năng lượng	96,0%	96,0%
12. Công ty cổ phần Năng lượng Xanh Kosun	Hà Nội	Năng lượng	96,9%	96,9%
13. Công ty cổ phần Resun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	97,0%	97,0%
<b>Công ty liên kết</b>				
1. Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc (*)	Vĩnh Phúc	Gạch ngói	49%	49%
2. Công ty TNHH Trường Sơn	Hà Nội	Gạch ngói	45%	45%

(\*): Từ ngày 27/05/2021 Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc trở thành công ty liên kết của Công ty theo Nghị quyết số 320/2021/CRC/NQ-HĐQT ngày 13/05/2021 của Hội đồng quản trị.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.**

- 2.1 Kỳ kế toán năm của Công ty: được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.
- 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT – BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT - BTC.

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát tại ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định tại Thông tư 202/2014/TT – BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

***Lợi ích của cổ đông không kiểm soát***

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

***Công ty liên kết***

Là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát đối với các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**Lãi từ giao dịch mua rẻ**

Lãi từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

**Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Kế toán trên máy vi tính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Giao dịch tại ngân hàng thương mại nào sẽ sử dụng tỷ giá của chính ngân hàng đó.

**Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch gồm:****+ Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch:**

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Hàng hoá, Trả trước cho người bán, Các khoản phải trả.

**+ Tỷ giá ghi sổ thực tế dịch danh:**

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi giảm: Các khoản phải trả, Khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hóa.

**+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động:**

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

**Các loại tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại cuối năm:**

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Tỷ giá áp dụng để đánh giá lại là tỷ giá mua/bán ngoại tệ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tại thời điểm 30/06/2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)**

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư khác.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (bao gồm cả trái phiếu) và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư khác***

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho (Tiếp theo)***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Kê khai thường xuyên.*Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho:* Bình quân gia quyền.*Phương pháp xác định giá gốc của Mũ cao su:* Đích danh.*Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc thiết bị	06 - 20 năm
Phương tiện vận tải	06 năm

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản dở dang dài hạn tại ngày 30/06/2022 của Công ty bao gồm Chi phí xây dựng Nhà máy sản xuất lưới thép.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản chi phí bảo hiểm tài sản, giá trị công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác có thời gian phân bổ vào kết quả kinh doanh từ 7 đến 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ trong thời gian từ 24 đến 36 tháng.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Nguyên tắc ghi nhận Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc năm tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ tài chính bao gồm chi phí lãi vay phải trả, chi phí vận hành đường dây và chi phí hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu các công trình xây lắp**

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Doanh thu khác**

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi đầu tư trái phiếu và chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi và lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn của công trình xây dựng xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp tới việc xây dựng công trình đó. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) và các khoản chi phí tài chính khác trong kỳ được ghi nhận đầy đủ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại****Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành (20%).

Các Công ty con hoạt động trong lĩnh vực sản xuất năng lượng tái tạo được hưởng ưu đãi theo khoản 1 điều 15 và khoản 1, 2 điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN. Theo đó các công ty con được miễn thuế TNDN 4 năm đầu và giảm 50% số thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

**Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các kỳ trước.

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ; Giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng; và giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Việc hoàn nhập các chênh lệch tạm thời được khấu trừ dẫn đến sự giảm trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Công ty sẽ chỉ được hưởng lợi ích kinh tế dưới hình thức giảm trừ các khoản nộp thuế nếu có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể bù trừ với phần giảm trừ đó. Do vậy, Công ty chỉ ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại khi chắc chắn có lợi nhuận tính thuế để sử dụng các chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Việc có lợi nhuận tính thuế để sử dụng các chênh lệch tạm thời được khấu trừ được coi là chắc chắn khi có đủ các chênh lệch tạm thời chịu thuế liên quan đến cùng một cơ quan quản lý thuế của Công ty.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Các loại thuế khác** được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Lãi cơ bản trên cổ phiếu

##### Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

##### Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Lãnh đạo cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, Sản xuất gạch, dịch vụ thương mại, đầu tư tài chính và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là Việt Nam và xuất khẩu ra nước ngoài. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	8,717,166,836	6,087,670,093
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2,159,087,185	9,703,289,185
Các khoản tương đương tiền	-	20,000,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	-	20,000,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>10,876,254,021</b>	<b>35,790,959,278</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>500,000,000</b>	<b>500,000,000</b>	<b>100,000,000</b>	<b>100,000,000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	500,000,000	500,000,000	100,000,000	100,000,000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	500,000,000	500,000,000	100,000,000	100,000,000
<b>Dài hạn</b>	<b>6,790,000,000</b>	<b>6,790,000,000</b>	<b>6,790,000,000</b>	<b>6,790,000,000</b>
Trái phiếu	6,790,000,000	6,790,000,000	6,790,000,000	6,790,000,000
Trái phiếu Ngân hàng NN & PTNNVN (ii)	500,000,000	500,000,000	500,000,000	500,000,000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iii)	290,000,000	290,000,000	290,000,000	290,000,000
Trái phiếu Ngân hàng Công Thương Việt Nam (iv)	6,000,000,000	6,000,000,000	6,000,000,000	6,000,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>7,290,000,000</b>	<b>7,290,000,000</b>	<b>6,890,000,000</b>	<b>6,890,000,000</b>

**Tiền gửi ủy thác là các bên có liên quan**

(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)

- (i) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng lãi suất 4,7%/năm  
Số lượng 500 trái phiếu với giá mua 500.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 25/12/2018 đến 25/12/2028), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.
- (ii) Số lượng 29 trái phiếu với giá mua 290.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 7 năm (từ 19/12/2018 đến 19/12/2025), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.
- (iii) Số lượng 60.000 trái phiếu với giá mua 6.000.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 30/07/2020 đến 30/07/2030), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.
- (iv) Giá trị trái phiếu thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng phát hành tại ngày 30/06/2022 là 6.790.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 6.790.000.000 đồng, Chi tiết tại thuyết minh số 5.17



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5.2. Các khoản đầu tư tài chính****b. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tỷ lệ		30/06/2022 (VND)			01/01/2022 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)
Đầu tư vào công ty con			-	-	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			34,217,950,023	-	-	34,217,950,023	-	-
+ Công ty cổ phần Khách ngoại Vinh Phúc (ti)	49%	49%	15,923,392,564	-	-	15,923,392,564	-	-
+ Công ty TNHH Trường Sơn	45%	45%	18,294,557,459	-	-	18,294,557,459	-	-
<b>Tổng cộng</b>			<b>34,217,950,023</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>34,217,950,023</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết trong kỳ****Kỳ này**

+ Công ty cổ phần Khách ngoại Vinh Phúc

+ Công ty TNHH Trường Sơn

(i): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do các khoản đầu tư này chưa niêm yết và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Các giao dịch chủ yếu giữa công ty và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 9.1

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5.3. Phải thu khách hàng***Phải thu của khách hàng ngắn hạn*

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty cổ phần XNK Nam Hà Nội	10,540,000,000	-
Công ty cổ phần đầu tư CP Farm Việt Nam	4,664,444,223	-
Công ty cổ phần thiết bị điện Bình Hòa	3,707,772,400	-
Công ty cổ phần Gốm Sứ Haceco	7,566,293,210	-
DAVR-TRADE LLC	2,591,131,658	-
Công ty cổ phần Vật Tư Điện Hùng Cường	1,589,036,200	-
LLC "OKFITSPORT"	3,366,073,112	-
Công ty điện lực Lâm Đồng - Điện lực Lâm Hà	1,788,095,386	988,046,664
Công ty điện lực Lâm Đồng - Điện lực Đức Trọng	1,071,503,034	856,987,476
Công ty điện lực Lâm Đồng - Điện lực Bảo Lộc	678,966,057	-
Công ty điện lực Lâm Đồng - Điện lực Đa Têh	279,805,456	-
Công ty điện lực Kontum	792,075,683	-
Các khách hàng khác	20,897,006,029	2,494,105,997
<b>Tổng cộng</b>	<b>59,532,202,448</b>	<b>4,339,140,137</b>

*Trong đó**Khoản phải thu với các bên có liên quan**(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)***5.4 Trả trước cho người bán***Trả trước cho người bán ngắn hạn*

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty CP TMDV Nhật Minh Xanh	6,634,429,280	3,654,432,000
Công ty cổ phần XNK Nông sản GHT	19,842,649,097	17,620,720,581
Công ty cổ phần sản xuất XNK Thành Nam	9,784,440,633	11,729,771,406
Công ty cổ phần công nghệ EMP	27,826,558,750	38,113,558,750
Tổng công ty Đầu Tư Phát Triển Đô Thị- Công ty cổ phần	8,732,187,216	-
Công ty TNHH Vật Liệu Làm Nhà PLD	10,480,585,238	-
Công ty TNHH Đầu Tư và TMDV Hoàng Minh BG	12,381,644,880	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vicenza	-	7,646,627,390

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các nhà cung cấp còn lại	13,106,024,433	9,114,491,349
<b>Tổng cộng</b>	<b>108,788,519,527</b>	<b>87,879,601,476</b>

<i>Trong đó</i>	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
<i>Khoản trả trước cho người bán với các bên có liên quan</i>	-	-

**5.5. Các khoản phải thu khác**

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3,769,312,038</b>	<b>11,422,725,519</b>
<i>Tạm ứng</i>	3,600,000,000	5,518,000,000
Ông Lương Văn Hà	1,000,000,000	1,850,000,000
Ông Vũ Xuân Hoài	1,000,000,000	1,000,000,000
Ông Hồ Công Trứ	800,000,000	1,868,000,000
Các đối tượng khác	800,000,000	800,000,000
<i>Phải thu khác</i>	<b>169,312,038</b>	<b>5,904,725,519</b>
Phải thu lãi tiền gửi, tiền ủy thác	167,850,247	187,576,274
Ông Trần Ngọc Khánh (i)	-	4,425,000,000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1,461,791	1,292,149,245
<b>b. Dài hạn</b>	<b>42,450,000,000</b>	<b>38,140,000,000</b>
Bà Triệu Thị Sa (ii)	9,000,000,000	9,000,000,000
Ông Mai Anh Đức (iii)	30,000,000,000	25,690,000,000
Ông Nguyễn Mạnh Hà (iv)	3,000,000,000	3,000,000,000
Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng (v)	450,000,000	450,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>46,219,312,038</b>	<b>49,562,725,519</b>

<i>Trong đó</i>	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Phải thu khác là bên có liên quan	30,000,000,000	25,690,000,000

(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)

- (i) (Phải thu về chuyển nhượng cổ phần theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 2212/2021/HĐCN ngày 22/12/2021, khoản tiền này đã được thu hồi hết trong kỳ)
- (ii) Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/CRCINVEST ngày 10/06/2020 thời hạn 25 năm; hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/CRCTECH ngày 10/06/2020 thời hạn 25 năm. Hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/INVEST ngày 10/07/2020 thời hạn 25 năm.
- (iii) Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 02/2020/HĐTĐ/LAMHA2 ngày 18/09/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/DUCTRONG ngày 30/09/2020 thời hạn 25 năm.  
Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/KONTUM ngày 10/06/2020 thời hạn 25 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

- (iv) Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 03/2020/HĐTD/DATEH ngày 24/08/2020 thời hạn 25 năm.  
 (v) Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTD/KONTUM ngày 10/06/2020 thời hạn 25 năm.  
 (v) Tiền ký quỹ theo Thỏa thuận ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư số 26/TTKQ ngày 11/09/2020.

**5.6. Chi phí trả trước****Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/06/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Công cụ dụng cụ	257,501,492	10,345,686
- Bảo hiểm tài sản	29,625,788	12,792,722
- Chi phí khác	-	21,983,333
<b>Tổng cộng</b>	<b>287,127,280</b>	<b>45,121,741</b>

**Chi phí trả trước dài hạn**

- Công cụ dụng cụ	104,230,799	49,063,296
- Chi phí sửa chữa Gông	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>104,230,799</b>	<b>49,063,296</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5.7. Hàng tồn kho**

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	189,368,263	-	189,368,263	-
Công cụ dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	8,559,515,763	-	14,752,376,005	-
+ Hệ thống xe gòong Haceco	370,724,829	-	-	-
+ Sản xuất nhân điều	2,930,324,000	-	-	-
+ Dự án Solar Cell	3,809,395,233	-	13,303,304,304	-
+ Dự án nhà xưởng Bảo Lộc	1,240,165,584	-	1,240,165,584	-
+ Dự án khác	208,906,117	-	208,906,117	-
+ Sản phẩm dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	2,024,664,000	-	-	-
Hàng hoá	67,081,081,575	-	80,854,143,185	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>77,854,629,601</b>	<b>-</b>	<b>95,795,887,453</b>	<b>-</b>

(i) Chi tiết hàng tồn kho của Công ty đang được gửi tại kho của các công ty khác như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Loại hàng gửi</u>	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Cao su thành phẩm	4,868,263	4,868,263
Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Pin	12,466,512,450	-
Ông Nguyễn Văn Đang	Mũ cao su, cao su thành phẩm	3,800,623,500	19,691,084,700
Công ty cổ phần sản xuất XNK Thành Nam	Nhân điều	20,285,034,546	29,612,183,500
Công ty cổ phần CRC Solar Cell	Pin	9,529,068,107	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vicenza	Gạch	20,500,540,551	9,830,765,007

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP****5. NHẤT (Tiếp theo)****5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**  
Đơn vị tính: VND

	<i>Máy móc, trang thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2022	293,792,520,907	2,396,821,273	296,189,342,180
Mua trong kỳ	61,593,636		61,593,636
Đầu tư XDCB hoàn thành	11,305,023,651		11,305,023,651
Tăng khác (ii)			-
Thanh lý, nhượng bán			-
Giảm khác (i)			-
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>305,159,138,194</b>	<b>2,396,821,273</b>	<b>307,555,959,467</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2022	15,962,343,219	684,445,167	16,646,788,386
Khấu hao trong kỳ	8,035,154,889	242,738,910	8,277,893,799
Tăng khác (iii)	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác (i)	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>23,997,498,108</b>	<b>927,184,077</b>	<b>24,924,682,185</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2022	277,830,177,688	1,712,376,106	279,542,553,794
Tại ngày 30/06/2022	281,161,640,086	1,469,637,196	282,631,277,282

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>				
- Dự án điện mặt trời Phú Thọ	-	-	11,199,648,049	11,199,648,049
- Nhà máy sản xuất lưới thép - Vinasolar Bảo Lộc	10,213,701,061	10,213,701,061	9,775,780,455	9,775,780,455
- Tài sản dở dang khác	-	-		
<b>Tổng cộng</b>	<b>10,213,701,061</b>	<b>10,213,701,061</b>	<b>20,975,428,504</b>	<b>20,975,428,504</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5.10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại***Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:*

	30/06/2022	01/01/2022
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời	44,372,479	44,372,479
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử	-	-
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>44,372,479</b>	<b>44,372,479</b>

**5.11. Phải trả người bán***Các khoản phải trả người bán ngắn hạn*

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
Công ty TNHH Công trình Cơ điện Airsun VN	2,181,214,056	2,181,214,056	2,681,214,056	2,681,214,056
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vicenza	3,938,316,119	3,938,316,119	-	-
Công ty CP CRC SOLAR CELL	5,567,529,000	5,567,529,000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	2,414,547,032	2,414,547,032	21,051,044,193	21,051,044,193
<b>Tổng cộng</b>	<b>14,101,606,207</b>	<b>14,101,606,207</b>	<b>23,732,258,249</b>	<b>23,732,258,249</b>

*Trong đó*

Khoản phải trả nhà cung cấp là bên có liên quan

*(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)***5.12. Phải trả ngắn hạn khác***Phải trả ngắn hạn khác*

	30/06/2022(VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng
- Kinh phí công đoàn	-	-	-	-
- Bảo hiểm xã hội	27,406,873	27,406,873	-	-
- Phải trả ngắn hạn khác	1,613,450,500	1,613,450,500	2,469,710,000	2,469,710,000
+ <i>Cổ tức lợi nhuận phải trả</i>	395,450,500	395,450,500	721,031,468	721,031,468
+ <i>Nhận ký quỹ Công ty TNHH XNK ITALIA Lưu Kim</i>	33,000,000	33,000,000	33,000,000	33,000,000
+ <i>Bà Nguyễn Thị Thanh Dung</i>	-	-	1,582,500,000	1,582,500,000
+ <i>Phải trả khác</i>	1,185,000,000	1,185,000,000	133,178,532	133,178,532
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,640,857,373</b>	<b>1,640,857,373</b>	<b>2,469,710,000</b>	<b>2,469,710,000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
**Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Việt Quang	1,000,000,000	1,000,000,000	-	-
Công ty cổ phần VLXD Yên Bái	2,460,655,230	2,460,655,230	-	-
Công ty cổ phần đầu tư CP Farm Việt Nam	-	-	4,112,366,688	4,112,366,688
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Mai Sơn Lâm	1,892,227,600	1,892,227,600	7,600,000,000	7,600,000,000
Công ty cổ phần Công Nghệ Và Xử Lý Môi Trường Toàn Mỹ	-	-	5,763,399,040	5,763,399,040
Công ty TNHH MTV Đông An Gia La	-	-	639,010,000	639,010,000
Các đối tượng khác	2,960,395,554	2,960,395,554	4,955,429,889	4,955,429,889
<b>Tổng cộng</b>	<b>8,313,278,384</b>	<b>8,313,278,384</b>	<b>23,070,205,617</b>	<b>23,070,205,617</b>

**Trong đó**Khoản người mua trả tiền trước với các bên có liên quan  
(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)

30/06/2022 01/01/2022

-

-

**5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	754,335,102	620,800,553	754,335,102	620,800,553
Thuế thu nhập cá nhân	457,537,500	-	369,150,500	88,387,000
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	215,510,400	-
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	21,000,000	57,000,000	78,000,000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,232,872,602</b>	<b>677,800,553</b>	<b>1,416,996,002</b>	<b>709,187,553</b>

**5.15. Chi phí phải trả**

- Chi phí dịch vụ nhập khẩu
- Chi phí lãi vay
- Chi phí phải trả khác

**Tổng cộng**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
	-	-
	-	221,301,624
	7,945,205	79,189,384
<b>Tổng cộng</b>	<b>7,945,205</b>	<b>300,491,008</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính

5.16.1 Các khoản vay ngắn hạn

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>127,258,973,856</b>	<b>127,258,973,856</b>	<b>157,586,554,927</b>	<b>83,630,792,806</b>
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình {1}	55,212,636,185	55,212,636,185	75,221,345,611	49,261,252,276
+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà {2}	62,846,337,671	62,846,337,671	64,165,209,316	34,369,540,530
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân {3}	9,200,000,000	9,200,000,000	18,200,000,000	9,000,000,000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>23,660,060,421</b>	<b>23,660,060,421</b>	<b>12,461,622,954</b>	<b>23,660,060,421</b>
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng {4}	44,000,004	44,000,004	22,000,002	44,000,004
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng {5}	165,245,904	165,245,904	82,622,952	165,245,904
+ Ngân hàng TMCP quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình {6}	5,082,000,000	5,082,000,000	3,327,000,000	5,082,000,000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công {7}	3,416,814,513	3,416,814,513	2,030,000,000	3,416,814,513
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- chi nhánh Hà Nội {8}	14,952,000,000	14,952,000,000	7,000,000,000	14,952,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>150,919,034,277</b>	<b>150,919,034,277</b>	<b>170,048,177,881</b>	<b>107,290,853,227</b>
				<b>14,952,000,000</b>
				<b>107,290,853,227</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.16. *Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)*

5.16.2. *Các khoản vay dài hạn*

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
<b>Vay dài hạn</b>	<b>121,528,045,724</b>	<b>121,528,045,724</b>	-	<b>133,989,668,678</b>
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng {4}	183,333,322	183,333,322		205,333,324
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng {5}	475,278,683	475,278,683		557,901,635
+ Ngân hàng TMCP quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình {6}	22,869,500,000	22,869,500,000		26,196,500,000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công {7}	18,099,999,188	18,099,999,188		20,129,999,188
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- chi nhánh Hà Nội {8}	79,899,934,531	79,899,934,531		86,899,934,531
<b>Tổng cộng</b>	<b>121,528,045,724</b>	<b>121,528,045,724</b>	-	<b>133,989,668,678</b>

{1} Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình

Hợp đồng TDHM số 01/2022/8353501/HBTD ngày 21/06/2022

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo GCNQSD số CK557223 thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm; Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo GCNQSD số CN467786 thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm; 29 trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với tổng mệnh giá 290.000.000 đồng; 750.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm.

{2} Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà

Hợp đồng tín dụng số 1260LAV202200250 ngày 19/05/2022

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CQ 666984 của bà Trần Thị Thu Hiền; Tài sản gắn liền với đất của Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc; 500 Trái phiếu Agribank mang tên Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam với tổng giá trị là 500.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**S. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**5.16. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

Chi tiết các khoản vay ngân hàng

{3} Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân

Hợp đồng tín dụng số 01/2021-HEVCHM/NHCT127-CRC ngày 12/10/2021

Tài sản thế chấp: 60.000 Trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng/ trái thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam.

{4} Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng

Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 692/2020/HĐTD/TTB MB4/01 ngày 21/08/2020

Tài sản thế chấp: Xe ô tô Vinfast Fadil BKS 30G-486.94, giá trị còn lại tại ngày 30/06/2022 là 227.333.326 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 304.253.502 đồng)

{5} Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng

Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDHP/PL/2021/0494 và Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDHP/PL/2021/0658

Tài sản thế chấp: Xe ô tô Xpander BKS: 30G-966.76 và Xe ô tô Ford Transit BSK: 29B-317.13, giá trị còn lại tại ngày 30/06/2022 lần lượt là 307.672.125 đồng và 322.852.462 đồng

{6} Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình

Hợp đồng cho vay số 65290.20.011.8298087.TD ngày 23/11/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị của dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty điện lực miền trung; 95% Cổ phần của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam tại Công ty cổ phần Công nghệ CRC theo Giấy chứng nhận góp vốn số 04/CNCP/CRCTECH do Công ty cổ phần Công nghệ CRC cấp ngày 30/06/2020.

Hợp đồng tín dụng số 12525.011.8374851.TD ngày 16/03/2021

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời mái nhà; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án

Hợp đồng vay số 4330.21.011.9148657.TD ngày 25/01/2021

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án

Hợp đồng vay số 12611.21.014.9720117.TD ngày 16/03/2021

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty điện lực miền nam; Toàn bộ cổ phần của Ông Hồ Công Trứ tại Công ty theo Giấy chứng nhận góp vốn số 02/GCNCP ngày 26/11/2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**S. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

{7} Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công

Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01/2020/HDDA/20598213 ngày 26/06/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án Điện mặt trời; 400.000 phiếu của công ty Create Capital Việt Nam (CRC) thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm; Nguồn thu từ dự án điện áp mái Lâm Hà 1; Thửa đất số 80, tờ bản đồ số 9 địa chỉ thôn Thanh Bình, Lâm Hà, Lâm Đồng số BUI86588

Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01/2020/HDDA/2095745 ngày 17/09/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ Trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN

Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01/2020/HDDA/20955417 ngày 09/09/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị, khung nhà xưởng hình thành từ dự án Trang Trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; 350.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (mã CRC) thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Tâm; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng ma bán điện giữ EVN và Công ty; Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 9 địa chỉ tại Thôn Thanh Bình, xã Tân Thành, huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng số BO544376

**5.16. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

{8} Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209604/HĐTD ngày 11/09/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ Trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/1420904/HĐTD ngày 11/09/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị, khung nhà xưởng hình thành từ dự án Trang Trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; 350.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (mã CRC) thuộc sở hữu của Bà Dương Thị Huyền; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN; Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 9 địa chỉ tại Thôn Thanh Bình, xã Tân Thành, huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng số BO544379

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209597/HĐTD ngày 21/08/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ Trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14519932/HĐTD ngày 30/10/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Ông Mai Đức tại thôn Tân Phú, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/13908223/HĐTD ngày 30/10/2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại được liệu kết hợp điện áp mái; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án

Hợp đồng cho vay số 4636.21.011.9142097.TD ngày 25/01/2021

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị của dự án điện mặt trời mái nhà; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; BĐS tại xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng số CX027498

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/145070831/HĐTD ngày 30/10/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại được liệu kết hợp điện áp mái; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14532823/HĐTD ngày 30/10/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14519935/HĐTD ngày 30/10/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14514121/HĐTD ngày 30/10/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**S. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**5.17.Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	150,000,000,000	10,645,604,925	-	17,008,792,623	1,153,473,945	178,807,871,493
Tăng vốn trong năm trước	150,000,000,000	-	-	-	-	150,000,000,000
Lãi trong năm trước	-	-	-	22,322,655,362	141,150,235	22,463,805,597
Tăng khác	-	-	16,945,321	2,088,571,741	4,295,163,062	6,400,680,124
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	(7,500,000,000)	-	(7,500,000,000)
Thù lao trả HĐQT và BKS (**)	-	-	-	(66,589,266)	-	(66,589,266)
Giảm khác	-	-	(16,945,321)	-	(595,118,892)	(612,064,213)
<b>Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này</b>	<b>300,000,000,000</b>	<b>10,645,604,925</b>	<b>-</b>	<b>33,853,430,460</b>	<b>4,994,668,350</b>	<b>349,493,703,735</b>
Tăng vốn trong kỳ (*)	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	16,012,526,352	333,465,703	16,345,992,055
Tăng khác (***)	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông (**)	-	-	-	-	-	-
Thù lao trả HĐQT và BKS (**)	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (***)	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>300,000,000,000</b>	<b>10,645,604,925</b>	<b>-</b>	<b>49,865,956,812</b>	<b>5,328,134,053</b>	<b>365,839,695,790</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5.17. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2022			01/01/2022		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi
Ông Mai Anh Tám	20,000,000,000	20,000,000,000	-	20,000,000,000	20,000,000,000	-
Ông Mai Anh Đức	14,044,800,000	14,044,800,000	-	14,044,800,000	14,044,800,000	-
Vốn góp của các đối tượng khác	265,955,200,000	265,955,200,000	-	265,955,200,000	265,955,200,000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>300,000,000,000</b>	<b>300,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>300,000,000,000</b>	<b>300,000,000,000</b>	<b>-</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:**

	Kỳ này	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	300,000,000,000	150,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong năm	300,000,000,000	150,000,000,000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	300,000,000,000	300,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	7,500,000,000
Cổ tức chi bằng tiền mặt	-	5%/ mệnh giá

**d. Cổ phiếu:**

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30,000,000	30,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30,000,000	30,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	30,000,000	30,000,000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30,000,000	30,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	30,000,000	30,000,000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10,645,604,925	10,645,604,925

**5.18. Các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	30/06/2022	01/01/2022
Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	7,862.19	95,167.65

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****6.20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021
	VND	VND
<b>Tổng cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>107,050,338,883</b>	<b>114,549,058,329</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	92,973,489,419	13,908,943,199
Doanh thu xây dựng, lắp đặt	-	93,694,545,455
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14,076,849,464	6,945,569,675
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>107,050,338,883</b>	<b>114,549,058,329</b>
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	<i>92,973,489,419</i>	<i>13,908,943,199</i>
<i>Doanh thu thuần xây dựng, lắp đặt</i>	<i>-</i>	<i>93,694,545,455</i>
<i>Doanh thu thuần dịch vụ</i>	<i>14,076,849,464</i>	<i>6,945,569,675</i>

**6.21. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	89,231,378,036	13,664,629,746
Giá vốn hợp đồng xây dựng, lắp đặt	-	93,260,305,309
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4,206,208,978	1,272,406,298
<b>Tổng cộng</b>	<b>93,437,587,014</b>	<b>108,197,341,353</b>

**6.22. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền vay	1,884,086	1,687,064,212
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	354,216,755
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	6,914,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,884,086</b>	<b>2,048,194,967</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****6.23. Chi phí tài chính**

	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	4,290,971,366	2,686,552,674
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(245,626,755)
<b>Tổng cộng</b>	<b>4,290,971,366</b>	<b>2,440,925,919</b>

**6.24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí cho nhân viên	723,332,426	221,463,800
- Chi phí công cụ quản lý	937,920	16,873,560
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	116,098,224	125,512,407
- Thuế, phí và lệ phí	55,000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	268,290,375	556,426,098
- Chi phí bằng tiền khác	2,908,149	5,113,637
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,111,622,094</b>	<b>925,389,502</b>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	787,234,970	866,667,153
<b>Tổng cộng</b>	<b>787,234,970</b>	<b>866,667,153</b>

**6.25. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành****Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	294,341,180	45,504,289
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của kỳ này	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>294,341,180</b>	<b>45,504,289</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****Thu nhập khác và chi phí khác**

	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021
	VND	VND
Thu nhập khác	772,990	-
- Các khoản khác	772,990	-
Chi phí khác	24,840,583	-
- Các khoản bị phạt, bị truy thu	24,834,964	-
- Các khoản khác	5,619	-
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	<u>(24,067,593)</u>	<u>-</u>

**6.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6,966,655,918	182,017,155
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty Mẹ	6,966,655,918	182,017,155
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30,000,000	15,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	<u>232.22</u>	<u>12.13</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)****8.1 Thông tin về các bên có liên quan****a. Giao dịch với các bên liên quan****Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc**

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

	Quý II năm 2022 VND	Quý II năm 2021 VND
Tiền lương và phụ cấp	58,850,676	22,501,200
<b>Tổng cộng</b>	<b>58,850,676</b>	<b>22,501,200</b>

Các bên được nhận biết là các bên có liên quan với Công ty trong kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2022 gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Gạch ngói Vĩnh Phúc	Chuyển từ Công ty con sang công ty liên kết từ ngày 27/05/2021
Công ty cổ phần công nghệ CRC	Công ty con
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết
Công ty CP Hãng sơn Đông Á	Có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Phụ gia Bê tông Phá lại	Có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	Có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của Tổng Giám đốc
Công ty CP CRC Invest	Công ty con
Công ty cổ phần CRC Power	Công ty con
Công ty cổ phần Canadian Solar Việt Nam	Công ty con
Công ty cổ phần Jinca Việt Nam	Công ty con từ ngày 01/11/2021
Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Công ty con từ ngày 01/11/2021
Công ty cổ phần cung cấp năng lượng điện mặt trời	Công ty con từ ngày 01/11/2021
Công ty cổ phần Vinasolar Đồng Tháp	Công ty con từ ngày 01/11/2021
Công ty CP Điện Nhật Nguyên Xanh	Công ty con từ ngày 01/11/2021
Công ty cổ phần xây lắp điện Lâm Đồng	Công ty con từ ngày 01/11/2021
Công ty cổ phần Elecsun Việt Nam	Công ty con từ ngày 01/11/2021
Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng năng lượng xanh	Công ty con từ ngày 01/11/2021
Công ty cổ phần Năng Lượng Xanh Kosun	Công ty con từ ngày 01/11/2021
Công ty cổ phần Resun Việt Nam	Công ty con từ ngày 01/11/2021
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT HĐQT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>30/06/2022</u>	<u>30/06/2021</u>
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			-	-
Công ty cổ phần Gốm Sứ Haceco	Có cùng chủ tịch HĐQT	Doanh thu bán hàng	11,013,400,000	-
		Thu tiền hàng	2,697,838,790	-
<b>Mua hàng</b>			-	-
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của TGD	Mua hàng hóa	15,714,780,000	10,336,717,000
		Thanh toán tiền	16,971,962,400	35,203,299,778
		Bù trừ công nợ	-	23,832,911,078
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HĐQT	Phải trả tiền thuê đất	97,724,100	3,431,441
		Trả tiền thuê đất	85,724,100	1,982,611
Công ty cổ phần Gốm Sứ Haceco	Có cùng chủ tịch HĐQT	Mua hàng hóa	192,071,600	-

**8.2 Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)****a. Giao dịch với các bên liên quan**

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>30/06/2022</u>	<u>30/06/2021</u>
<b>Tiền gửi ủy thác</b>				
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	Nhận ủy thác		
		Tất toán tiền gửi ủy thác	-	14,400,000,000
		Lãi tiền gửi ủy thác	-	66,954,585
		Thu lãi tiền gửi ủy thác	-	107,029,658
Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng BKS	Nhận ủy thác	-	1,000,000,000
		Tất toán tiền gửi ủy thác	-	12,250,000,000
		Lãi tiền gửi ủy thác	-	147,205,479
		Thu lãi tiền gửi ủy thác	-	188,049,315
Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc Công ty con	Nhận ủy thác	-	5,000,000,000
<b>Các khoản phải thu, phải trả khác</b>				
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết từ ngày 27/05/2021	Chi tiền cho mượn	-	300,000,000
Công ty CP Phụ gia bê tông Phả Lại	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Chi tiền cho mượn	-	199,967,000
		Thu hồi tiền cho mượn	-	199,967,000
<b>Đặt cọc</b>				
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HĐQT	Đặt cọc tiền thuê đất	30,000,000,000	25,690,000,000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

**8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**

**b. Số dư với các bên liên quan:**

Vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
<b>I. Phải thu khách hàng</b>		<b>7,566,293,210</b>	<b>-</b>
Công ty cổ phần Gốm Sứ Haceco	Có cùng chủ tịch HĐQT	7,566,293,210	-
<b>II. Người mua trả tiền trước</b>		<b>-</b>	<b>1,850,608,000</b>
Công ty cổ phần Gốm Sứ Haceco	Có cùng chủ tịch HĐQT	-	1,850,608,000
<b>III. Phải trả người bán</b>		<b>207,437,328</b>	<b>-</b>
Công ty cổ phần Gốm Sứ Haceco	Có cùng chủ tịch HĐQT	207,437,328	-
<b>IV. Phải trả khác</b>		<b>12,000,000</b>	<b>-</b>
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HĐQT	12,000,000	-
<b>V. Đặt cọc</b>		<b>30,000,000,000</b>	<b>25,690,000,000</b>
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HĐQT	30,000,000,000	25,690,000,000

**8.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2021 kết thúc ngày 30/06/2021.

Hà nội, ngày 30 tháng 07 năm 2022

Người lập



NGUYỄN THỊ THÚY NGA

Kế toán trưởng



VŨ THỊ THỦY

Tổng Giám Đốc



DƯƠNG THỊ HUYỀN

